TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1590/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Bà Lê Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4669/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng D, sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 161 D, Phường 8, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị P (Tran P T), sinh năm 1955 (vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 4502 Silhavy Road Valparaiso LN 46383 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn ông Trần Hoàng D trình bày:

Ông và bà Trần Thị P đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/HT, Quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh A cấp ngày 11/01/2000. Sau khi kết hôn, hai bên sống chung với nhau hạnh phúc. Đến năm 2010, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Năm 2015 ông nộp đơn xin ly hôn bà P nhưng bị bác đơn. Nay ông không

còn tình cảm với bà P, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị P.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị P có 3 người con chung gồm Trần Trung H sinh năm 1982; Trần Thị Trúc P sinh năm 1985; Trần Thanh T sinh năm 1990. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

Tại Biên bản hòa giải ngày 13/4/2017, bà Trần Thị P khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Hoàng D vì bà muốn đoàn tụ.

Về con chung: Bà và ông Trần Hoàng D có 3 người con chung gồm Trần Trung H sinh năm 1982; Trần Thị Trúc P sinh năm 1985; Trần Thanh T sinh năm 1990. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý sơ thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Trần Hoàng D khai không còn tình cảm với bà Trần Thị P, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của ông Trần Hoàng D có cơ sở chấp nhận. Về con chung: Ông D và bà P có 3 con chung nhưng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Ông Trần Hoàng D nộp đơn khởi kiện bà Trần Thị P tại Tòa án nhân dân Quận X. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P cung cấp tài liệu chứng minh bà đã định cư tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, ông Trần Hoàng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng D.

Đối với bà Trần Thị P, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị P.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị P sống chung từ năm 1981 và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/HT, Quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh A cấp ngày 11/01/2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Hoàng D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị P sống chung với nhau từ năm 1981 và đăng ký kết hôn vào năm 2000. Năm 2010, Ông D và bà P sống ly thân. Năm 2015, Ông D nộp đơn xin ly hôn với bà P nhưng không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc Tòa án không cho ly hôn là để Ông D và bà P có thời gian hàn gắn tình cảm với nhau, tuy nhiên từ đó đến nay bà P không có biện pháp khắc phục để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác hiện nay bà P đang định cư tại Hoa Kỳ, Ông D ở Việt Nam mỗi người sống một nơi nên việc hòa giải để hai bên đoàn tụ là không thành. Bà P đã được Tòa án ủy thác tư pháp thông báo yêu cầu ly hôn của ông Trần Hoàng D và ngày, giờ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được trả lời của bà Trần Thị P. Điều này cho thấy bà Trần Thị P không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với Ông D, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông Trần Hoàng D xin ly hôn bà Trần Thị P là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị P có 3 con chung gồm Trần Trung H sinh năm 1982; Trần Thị Trúc P sinh năm 1985; Trần Thanh T sinh năm 1990. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí:

Ông Trần Hoàng D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị P (Tran P T).

2. Về con chung: Ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị P có 3 con chung gồm Trần Trung H sinh năm 1982; Trần Thị Trúc P sinh năm 1985; Trần Thanh T sinh năm 1990. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Trần Hoàng D chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AB/2012/07987 ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X. Ông Trần Hoàng D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND P. C, thị xã D, tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên